

Số: **1910** /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày **25** tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 3003/QĐ-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Công văn số 6751/BTC-HCSN ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ Tài chính về việc phân bổ dự toán NSNN năm 2023 của Bộ Công Thương (đợt 5);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ Công Thương: *(phụ lục đính kèm)*

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2023 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tài chính (Vụ HCSN, Vụ NSNN);
- Kho bạc Nhà nước;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Hệ thống TABMIS;
- Công thông tin điện tử BCT;
- Lưu: VT, KHTC.



KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Phan Thị Thắng



BỘ CÔNG THƯƠNG
Chương 016

PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023

Tên đơn vị SDNS: Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định

KBNN nơi đơn vị giao dịch: Tỉnh Nam Định - Mã số 0261

Mã số SDNS của đơn vị: 1054188

(Kèm theo Quyết định số 1940/QĐ-BCT ngày 25 tháng 7 năm 2023)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	
	Phí	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2023	569,346
	Kinh phí thực hiện tự chủ	0,000
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	569,346
	Kinh phí nghiên cứu KHCN	0,000
	Chi tiết theo loại khoản	
1	Kinh phí Quản lý nhà nước	0,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
2	Sự nghiệp kinh tế	0,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
3	Sự nghiệp khoa học công nghệ	0,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
	Kinh phí nghiên cứu KHCN	
4	Sự nghiệp giáo dục đào tạo	569,346
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	569,346
5	Chương trình mục tiêu quốc gia	0,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	

Ghi chú:

1	Sự nghiệp giáo dục đào tạo	569,346
	<i>kinh phí không giao tự chủ thực hiện tình hình biên chế đợt 1 năm 2023: Loại 070-093</i>	569,346

BỘ CÔNG THƯƠNG**Chương 016****PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023****Tên đơn vị SDNS: Văn phòng Bộ Công Thương****KBNN nơi đơn vị giao dịch: Thành phố Hà Nội - Mã số 0011****Kho bạc nhà nước nơi đơn vị giao dịch: KBNN Trung ương - Mã số 0003****Mã số SDNS của đơn vị: 1053956***(Kèm theo Quyết định số 1910/QĐ-BCT ngày 25 tháng 7 năm 2023)**Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Nội dung	Tổng số	KBNN Hà Nội	KBNN Trung ương
I	<u>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</u>			
1	<u>Số thu phí, lệ phí</u>			
	Phí			
2	<u>Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại</u>			
	Phí			
3	<u>Số phí, lệ phí nộp NSNN</u>			
II	<u>Điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2023</u>	-8.560,981	-9.252,981	692,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ			
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	-6.360,981	-7.052,981	692,000
	Kinh phí nghiên cứu KHCN	-2.200,000	-2.200,000	
	Chi tiết theo loại khoản			
1	Kinh phí Quản lý nhà nước	692,000		692,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ			
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	692,000		692,000
2	Sự nghiệp kinh tế	-2.900,000	-2.900,000	
	Kinh phí thực hiện tự chủ			
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	-2.900,000	-2.900,000	
3	Sự nghiệp khoa học công nghệ	-2.200,000	-2.200,000	
	Kinh phí thực hiện tự chủ			
	Kinh phí thực hiện không tự chủ			
	Kinh phí nghiên cứu KHCN	-2.200,000	-2.200,000	
4	Sự nghiệp giáo dục đào tạo	-4.152,981	-4.152,981	
	Kinh phí thực hiện tự chủ			
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	-4.152,981	-4.152,981	
5	Chương trình mục tiêu quốc gia			
	Kinh phí thực hiện tự chủ			
	Kinh phí thực hiện không tự chủ			

Ghi chú:

1	Kinh phí Quản lý nhà nước	692,000
	Kinh phí liên niệm: Loại 340 khoản 341	692,000
2	Sự nghiệp kinh tế	-2.900,000
	Chi điều tra cơ bản: Loại 280 khoản 332	-500,000
	Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030: Loại 280 khoản 321	-700,000
	Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" giai đoạn 2021-2025: Loại 280 khoản 321	-1.000,000

Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045	800,000
Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025 (nhiệm vụ tại nghị quyết 68/nq-cp ngày 12/5/2020 của chính phủ về ban hành chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025)	-500,000
cầu bảo đảm an ninh đối với hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	-500,000
Đề án "đẩy mạnh thực hiện các cam kết quốc tế trong giải quyết tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế và cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giai đoạn 2022 - 2026"	-500,000
2 Sự nghiệp giáo dục đào tạo	-4.152,981
Kinh phí không giao tự chủ thực hiện tình giản biên chế đợt 1 năm 2023: Loại 070 khoản 093	-4.152,981
3 Sự nghiệp khoa học công nghệ	-2.200,000
Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ, cấp quốc gia (Vụ KHCN)	-2.200,000

BỘ CÔNG THƯƠNG**TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**

(kèm theo Quyết định số: **1910** /QĐ-BCT ngày **25** tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã KBNN	Mã NS đơn vị sử dụng	Ngân sách nhà nước 2023	
					Kinh phí không tự chủ	
					Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)
A	B	C	D	Đ	1	2
I	Loại 100 khoản 101: Sự nghiệp KHCN				2.200	-2.200
-	Văn phòng Bộ Công Thương	Thành phố Hà Nội	0011	1.053.956		-2.200
-	Bộ Công Thương				2.200	

Ghi chú:

- Cắt giảm theo Công văn số 6751/BTC-HCSN ngày 29/6/2023 của Bộ Tài chính về việc phân bổ dự toán NSNN đợt 5/2023



BỘ CÔNG THƯƠNG

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023
SỰ NGHIỆP KINH TẾ

(kèm theo Quyết định số: 1910 /QĐ-BCT ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã KBNN	Mã NS đơn vị sử dụng	Ngân sách nhà nước 2023	
					Kinh phí không tự chủ	
					Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)
A	B	C	D	Đ	1	2
I	SỰ NGHIỆP KINH TẾ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN				5.900	-5.900
1	Chi điều tra cơ bản (1)				500	-500
	Văn phòng Bộ (Loại 280-332)	Thành phố Hà Nội	0011	1.053.956		-500
	Ủy Ban cạnh tranh quốc gia	Thành phố Hà Nội	0011	1.131.518	500	
2	Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030: Loại 280 khoản 321 (2)				700	-700
	Văn phòng Bộ	Thành phố Hà Nội	0011	1.053.956		-700
	Ủy Ban cạnh tranh quốc gia	Thành phố Hà Nội	0011	1.131.518	700	
3	Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" giai đoạn 2021-2025: Loại 280 khoản 321 (3)				1.000	-1.000
	Văn phòng Bộ	Thành phố Hà Nội	0011	1.053.956		-1.000
	Báo Công Thương	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.022.389	1.000	
4	Chương trình hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: Loại 280-332 (4)				2.000	-2.000
	Cục Công Thương địa phương	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.131.521		-2.000
	Bộ Công Thương				2.000	
5	Đề án rà soát các cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật đối với các sản phẩm thép tại Việt Nam (4)				500	-500
	Cục Công nghiệp	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.131.521		-500
	Bộ Công Thương				500	
6	Đề án rà soát các cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật đối với sản phẩm Alumin tại Việt Nam (4)				500	-500

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã KBNN	Mã NS đơn vị sử dụng	Ngân sách nhà nước 2023	
					Kinh phí không tự chủ	
					Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)
	Cục Công nghiệp	KBNN Hoàn Kiếm, HN	0013	1.131.521		-500
	Bộ Công Thương				500	
7	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ các đề án Loại 280-321 (4)				700	-700
	Văn phòng Bộ	Thành phố Hà Nội	0011	1.053.956		-700
	Trong đó:					
	Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045				800	
	Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025 (nhiệm vụ tại nghị quyết 68/nq-cp ngày 12/5/2020 của chính phủ về ban hành chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025)					-500
	Rà soát, hoàn thiện chính sách pháp luật về thẩm định các yêu cầu bảo đảm an ninh đối với hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam					-500
	Đề án "đẩy mạnh thực hiện các cam kết quốc tế trong giải quyết tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế và cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giai đoạn 2022 - 2026"					-500
	Bộ Công Thương				700	

Ghi chú:

(1) Quyết định số 1354/QĐ-BCT ngày 06/6/2023 của Bộ Công Thương về việc Phê duyệt điều chuyển nhiệm vụ năm 2023 thuộc Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030 của Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng sang Ủy ban Cảnh tranh Quốc gia.

(2) Quyết định số 1354/QĐ-BCT ngày 06/6/2023 của Bộ Công Thương về việc Phê duyệt điều chuyển nhiệm vụ năm 2023 thuộc Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030 của Cục Cảnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng sang Ủy ban Cảnh tranh Quốc gia.

(3) Quyết định số 845/QĐ-BCT ngày 06/4/2023 của Bộ Công Thương về việc Phê duyệt các dự án, nhiệm vụ và kinh phí năm 2023 (Đợt 1) thực hiện Nhóm Chương trình hỗ trợ nhằm thay đổi tích cực về nhận thức và hành vi của cộng đồng thuộc Danh mục của Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" giai đoạn 2021-2025

(4) Cắt giảm theo Công văn số 6751/BTC-HCSN ngày 29/6/2023 của Bộ Tài chính về việc phân bổ dự toán NSNN đợt 5/2023

BỘ CÔNG THƯƠNG**PHỤ LỤC: ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023 KINH PHÍ SỰ NGHIỆP ĐÀO TẠO - TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ**(kèm theo Quyết định số: **1910/QĐ-BCT** ngày **25** tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã đơn vị sử dụng ngân sách	Mã số KBNN	Kinh phí NSNN - Kinh phí không giao tự chủ			
					KP giao tại QĐ 3003/QĐ-BCT ngày 30/12/2022	Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	KP sau khi điều chỉnh
I	Điều chỉnh kinh phí không giao tự chủ thực hiện tính giản biên chế đợt 1 năm 2023 (*)				6.300,000	4.152,981	4.152,981	6.300,000
	<i>Giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng: Loại 070 khoản 093</i>				6.300,000	3.448,445	4.152,981	5.595,464
1	Văn phòng Bộ Công Thương	Thành phố - Hà Nội	1053956	0011	6.300,000		4.152,981	2.147,019
1	Trường Cao đẳng CN Việt Đức	Sông Công - Thái Nguyên	1054147	2269		556,107		556,107
2	Trường Cao đẳng Công nghiệp và TM	Phúc Yên - Vĩnh Phúc	1054183	1219		262,617		262,617
3	Trường Cao đẳng CN Nam Định	Tỉnh Nam Định	1054188	0261		569,346		569,346
4	Trường Cao đẳng TM (Đà Nẵng)	Q. Thanh Khê - Đà Nẵng	1055486	0163		163,591		163,591
5	Trường Cao đẳng Kinh tế CN Hà Nội	Thanh Trì - Hà Nội	1054139	0018		1.896,784		1.896,784
	<i>Giáo dục Đại học: Loại 070 khoản 081</i>				0,000	704,536	0,000	704,536
1	Trường Đại học CN Việt Trì	Phù ninh - Phú Thọ	1054017	1266		236,584		236,584
2	Trường Đại học CN Quảng Ninh	Đông triều - Quảng Ninh	1054142	2815		467,952		467,952
	TỔNG CỘNG				6.300,000	4.152,981	4.152,981	6.300,000

Ghi chú:

- (*): Quyết định số 912/QĐ-BCT ngày 13/3/2023 về việc phê duyệt danh sách đối tượng, kinh phí thực hiện tính giản biên chế đợt 1 năm 2023 của Bộ Công Thương

BỘ CÔNG THƯƠNG**TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

(kèm theo Quyết định số: 1910 /QĐ-BCT ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã KBNN	Mã NS đơn vị sử dụng	Ngân sách nhà nước 2023	
					Kinh phí không tự chủ	
					Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)
A	B	C	D	Đ	1	2
I	Loại 340 - 341: Quản lý nhà nước				<u>692</u>	<u>-692</u>
-	Văn phòng Bộ Công Thương	KBTW	0003	1.053.956	692	
-	Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo	Thành phố Hà Nội	0011	1.131.508		-600
-	Cục Công nghiệp	Thành phố Hà Nội	0011	1.131.529		-92

Ghi chú:

- Bộ Tài chính thống nhất tại Công văn số 6751/BTC-HCSN ngày 29/6/2023 về việc phân bổ dự toán NSNN đợt 5/2023

PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023

Tên đơn vị SDNS: Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo
KBNN nơi đơn vị giao dịch: Thành phố Hà Nội - Mã số 0011
Mã số SDNS của đơn vị: 1131508
(Kèm theo Quyết định số *1910/QĐ-BCT* ngày *25* tháng 7 năm 2023)

		Đơn vị: Triệu đồng
TT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	
	Phí	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2023	-600,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	-600,000
	Kinh phí nghiên cứu KHCN	
	Chi tiết theo loại khoản	
1	Kinh phí Quản lý nhà nước	-600,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	-600,000
2	Sự nghiệp kinh tế	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
3	Sự nghiệp khoa học công nghệ	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
	Kinh phí nghiên cứu KHCN	
4	Sự nghiệp giáo dục đào tạo	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
5	Chương trình mục tiêu quốc gia	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	

Ghi chú:

1	Kinh phí Quản lý nhà nước	600,000
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyên môn: Loại 340 khoản 341	600,000

PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023

Tên đơn vị SDNS: Cục Công nghiệp

KBNN nơi đơn vị giao dịch: Thành phố Hà Nội - Mã số 0011

Mã số SDNS của đơn vị: 1131529

(Kèm theo Quyết định số 1910/QĐ-BCT ngày 25 tháng 7 năm 2023)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	
	Phí	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2023	-1.092,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	-1.092,000
	Kinh phí nghiên cứu KHCN	
	Chi tiết theo loại khoản	
1	Kinh phí Quản lý nhà nước	-92,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	-92,000
2	Sự nghiệp kinh tế	-1.000,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	-1.000,000
3	Sự nghiệp khoa học công nghệ	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
	Kinh phí nghiên cứu KHCN	
4	Sự nghiệp giáo dục đào tạo	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
5	Chương trình mục tiêu quốc gia	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	

Ghi chú:

1	Kinh phí Quản lý nhà nước	-92,000
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyên môn: Loại 340 khoản 341	-92,000
2	Sự nghiệp kinh tế	-1.000,000
	Đề án rà soát các cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật đối với các sản phẩm thép tại Việt Nam	-500,000
	Đề án rà soát các cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật đối với sản phẩm Alumin tại Việt Nam	-500,000

PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023

Tên đơn vị SDNS: Cục Công thương địa phương

KBNN nơi đơn vị giao dịch: KBNN Hoàn Kiếm, HN - Mã số 0013

Mã số SDNS của đơn vị: 1131521

(Kèm theo Quyết định số **1910** QĐ-BCT ngày **25** tháng 7 năm 2023)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	
	Phí	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2023	-2.000,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	-2.000,000
	Kinh phí nghiên cứu KH-CN	
	Chi tiết theo loại khoản	
1	Kinh phí Quản lý nhà nước	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
2	Sự nghiệp kinh tế	-2.000,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	-2.000,000
3	Sự nghiệp khoa học công nghệ	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
	Kinh phí nghiên cứu KH-CN	
4	Sự nghiệp giáo dục đào tạo	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
5	Chương trình mục tiêu quốc gia	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	

Ghi chú:

1 Sự nghiệp kinh tế

-2.000,000

-2.000,000

Chương trình hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: Loại 280-332

PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023

Tên đơn vị SDNS: Ủy ban Canh tranh quốc gia

KBNN nơi đơn vị giao dịch: Thành phố Hà Nội - Mã số 0011

Mã số SDNS của đơn vị: 1131518

(Kèm theo Quyết định số 1910/QĐ-BCT ngày 25 tháng 7 năm 2023)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	
	Phí	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2023	1.200,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	1.200,000
	Kinh phí nghiên cứu KHCN	
	Chi tiết theo loại khoản	
1	Kinh phí Quản lý nhà nước	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
2	Sự nghiệp kinh tế	1.200,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	1.200,000
3	Sự nghiệp khoa học công nghệ	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
	Kinh phí nghiên cứu KHCN	
4	Sự nghiệp giáo dục đào tạo	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
5	Chương trình mục tiêu quốc gia	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	

Ghi chú:

1	Sự nghiệp kinh tế	1.200,000
	Chi điều tra cơ bản: Loại 280 khoản 321	500,000
	Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030: Loại 280 khoản 321	700,000

BỘ CÔNG THƯƠNG
Chương 016

PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023

Tên đơn vị SDNS: Báo Công Thương

KBNN nơi đơn vị giao dịch: Hoàn Kiếm, HN - Mã số 0013

Mã số SDNS của đơn vị: 1022389

(Kèm theo Quyết định số 1910/QĐ-BCT ngày 25 tháng 7 năm 2023)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	
	Phí	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2023	1.000,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	1.000,000
	Kinh phí nghiên cứu KHCN	
	Chi tiết theo loại khoản	
1	Kinh phí Quản lý nhà nước	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
2	Sự nghiệp kinh tế	1.000,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	1.000,000
3	Sự nghiệp khoa học công nghệ	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
	Kinh phí nghiên cứu KHCN	
4	Sự nghiệp giáo dục đào tạo	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
5	Chương trình mục tiêu quốc gia	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	

Ghi chú:

1 Sự nghiệp kinh tế

1.000,000

1.000,000

Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" giai đoạn 2021-2025: Loại 280 khoản 321

BỘ CÔNG THƯƠNG
Chương 016

PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023

Tên đơn vị SDNS: Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức

KBNN nơi đơn vị giao dịch: Sông Công - Thái Nguyên - Mã số 2269

Mã số SDNS của đơn vị: 1054147

(Kèm theo Quyết định số 1910 QĐ-BCT ngày 25 tháng 7 năm 2023)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	
	Phí	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2023	556,107
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	556,107
	Kinh phí nghiên cứu KHCN	
	Chi tiết theo loại khoản	
1	Kinh phí Quản lý nhà nước	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
2	Sự nghiệp kinh tế	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
3	Sự nghiệp khoa học công nghệ	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
	Kinh phí nghiên cứu KHCN	
4	Sự nghiệp giáo dục đào tạo	556,107
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	556,107
5	Chương trình mục tiêu quốc gia	
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	

Ghi chú:

1	Sự nghiệp giáo dục đào tạo	556,107
	kinh phí không giao tự chủ thực hiện tình giản biên chế đợt 1 năm 2023: Loại 070-093	556,107

BỘ CÔNG THƯƠNG
Chương 016

PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023

Tên đơn vị SDNS: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại

KBNN nơi đơn vị giao dịch: Phúc Yên - Vĩnh Phúc - Mã số 1219

Mã số SDNS của đơn vị: 1054183

(Kèm theo Quyết định số 1940/QĐ-BCT ngày 25 tháng 7 năm 2023)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	
	Phí	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2023	262,617
	Kinh phí thực hiện tự chủ	0,000
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	262,617
	Kinh phí nghiên cứu KHCN	0,000
	Chi tiết theo loại khoản	
1	Kinh phí Quản lý nhà nước	0,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
2	Sự nghiệp kinh tế	0,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
3	Sự nghiệp khoa học công nghệ	0,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
	Kinh phí nghiên cứu KHCN	
4	Sự nghiệp giáo dục đào tạo	262,617
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	262,617
5	Chương trình mục tiêu quốc gia	0,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	

Ghi chú:

1	Sự nghiệp giáo dục đào tạo	262,617
	<i>kinh phí không giao tự chủ thực hiện tinh giản biên chế đợt 1 năm 2023: Loại</i>	262,617

BỘ CÔNG THƯƠNG**Chương 016****PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023****Tên đơn vị SDNS: Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định****KBNN nơi đơn vị giao dịch: Tỉnh Nam Định - Mã số 0261****Mã số SDNS của đơn vị: 1054188***(Kèm theo Quyết định số 1910/QĐ-BCT ngày 25 tháng 7 năm 2023)**Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	
	Phí	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2023	569,346
	Kinh phí thực hiện tự chủ	0,000
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	569,346
	Kinh phí nghiên cứu KHCN	0,000
	Chi tiết theo loại khoản	
1	Kinh phí Quản lý nhà nước	0,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
2	Sự nghiệp kinh tế	0,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
3	Sự nghiệp khoa học công nghệ	0,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
	Kinh phí nghiên cứu KHCN	
4	Sự nghiệp giáo dục đào tạo	569,346
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	569,346
5	Chương trình mục tiêu quốc gia	0,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	

*Ghi chú:***1 Sự nghiệp giáo dục đào tạo****569,346***kinh phí không giao tự chủ thực hiện tinh giản biên chế đợt 1 năm 2023: Loại 070-093***569,346**

BỘ CÔNG THƯƠNG
Chương 016

PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023

Tên đơn vị SDNS: Trường Cao đẳng Thương Mại

KBNN nơi đơn vị giao dịch: Q. Thanh Khê - Đà Nẵng - Mã số 0163

Mã số SDNS của đơn vị: 1055486

(Kèm theo Quyết định số 1910/QĐ-BCT ngày 25 tháng 7 năm 2023)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	
	Phí	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2023	163,591
	Kinh phí thực hiện tự chủ	0,000
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	163,591
	Kinh phí nghiên cứu KHCN	0,000
	Chi tiết theo loại khoản	
1	Kinh phí Quản lý nhà nước	0,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
2	Sự nghiệp kinh tế	0,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
3	Sự nghiệp khoa học công nghệ	0,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
	Kinh phí nghiên cứu KHCN	
4	Sự nghiệp giáo dục đào tạo	163,591
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	163,591
5	Chương trình mục tiêu quốc gia	0,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	

Ghi chú:

1 Sự nghiệp giáo dục đào tạo

163,591

kinh phí không giao tự chủ thực hiện tinh giản biên chế đợt 1 năm 2023: Loại
070-093

163,591

PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023

Tên đơn vị SDNS: Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội

KBNN nơi đơn vị giao dịch: Thanh Trì - Hà Nội - Mã số 0018

Mã số SDNS của đơn vị: 1054139

(Kèm theo Quyết định số 1910 QĐ-BCT ngày 25 tháng 7 năm 2023)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	
	Phí	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2023	1.896,784
	Kinh phí thực hiện tự chủ	0,000
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	1.896,784
	Kinh phí nghiên cứu KHCN	0,000
	Chi tiết theo loại khoản	
1	Kinh phí Quản lý nhà nước	0,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
2	Sự nghiệp kinh tế	0,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
3	Sự nghiệp khoa học công nghệ	0,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
	Kinh phí nghiên cứu KHCN	
4	Sự nghiệp giáo dục đào tạo	1.896,784
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	1.896,784
5	Chương trình mục tiêu quốc gia	0,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	

Ghi chú:

1	Sự nghiệp giáo dục đào tạo	1.896,784
	kinh phí không giao tự chủ thực hiện tình giản biên chế đợt 1 năm 2023: Loại 070-093	1.896,784

BỘ CÔNG THƯƠNG
Chương 016

PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023

Tên đơn vị SDNS: Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì
KBNN nơi đơn vị giao dịch: Phù ninh - Phú Thọ - Mã số 1266
Mã số SDNS của đơn vị: 1054017

(Kèm theo Quyết định số 1910/QĐ-BCT ngày 25 tháng 7 năm 2023)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	
	Phí	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2023	236,584
	Kinh phí thực hiện tự chủ	0,000
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	236,584
	Kinh phí nghiên cứu KHCN	0,000
	Chi tiết theo loại khoản	
1	Kinh phí Quản lý nhà nước	0,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
2	Sự nghiệp kinh tế	0,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
3	Sự nghiệp khoa học công nghệ	0,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
	Kinh phí nghiên cứu KHCN	
4	Sự nghiệp giáo dục đào tạo	236,584
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	236,584
5	Chương trình mục tiêu quốc gia	0,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	

Ghi chú:

1 Sự nghiệp giáo dục đào tạo **236,584**
kinh phí không giao tự chủ thực hiện tinh giản biên chế đợt 1 năm 2023: Loại 236,584
070-081

BỘ CÔNG THƯƠNG**Chương 016****PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023****Tên đơn vị SDNS: Đại học Công nghiệp Quảng Ninh****KBNN nơi đơn vị giao dịch: Đông triều - Quảng Ninh - Mã số 2815****Mã số SDNS của đơn vị: 1054142***(Kèm theo Quyết định số 1910/QĐ-BCT ngày 25 tháng 7 năm 2023)**Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	
	Phí	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2023	467,952
	Kinh phí thực hiện tự chủ	0,000
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	467,952
	Kinh phí nghiên cứu KHCN	0,000
	Chi tiết theo loại khoản	
1	Kinh phí Quản lý nhà nước	0,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
2	Sự nghiệp kinh tế	0,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
3	Sự nghiệp khoa học công nghệ	0,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	
	Kinh phí nghiên cứu KHCN	
4	Sự nghiệp giáo dục đào tạo	467,952
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	467,952
5	Chương trình mục tiêu quốc gia	0,000
	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Kinh phí thực hiện không tự chủ	

Ghi chú:

1	Sự nghiệp giáo dục đào tạo	467,952
	<i>kinh phí không giao tự chủ thực hiện tình giảm biên chế đợt 1 năm 2023: Loại 070-081</i>	467,952